

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **116A/2017/DS-PT**

Ngày: 18/9/2017

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thiên Hương.

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Hồng.

Ông Đặng Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thuận – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồ Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 141/2016/TLPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2016 về việc: “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2016/DS-ST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị ông Huỳnh Th Th kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2017/QĐ-DSPT ngày 7/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Th Th, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Ông Bùi V T, Luật sư Văn phòng luật sư số 3 – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Lương Thị Th H, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Hiện ở: Khu phố 2, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1/ Ông Nguyễn V Th, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Lễ, xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

2/ Vợ chồng bà Nguyễn Th T, sinh năm 1959 và ông Phan V L, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)
3/ Vợ chồng bà Trần Th G, sinh năm 1968 và ông Phan VT, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

4/ Vợ chồng chị Mai Thị Th H, sinh năm 1970 và anh Nguyễn V L1, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

5/ Bà Lê Th Đ, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Thôn Tam Tân, xã Tân Tiến, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

6/ Bà Huỳnh Thị K H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Lễ, xã Tân Thuận, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Vợ chồng bà Nguyễn T H, sinh năm 1949 và ông Hoàng L, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H tự nguyện sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/02/2009 tại UBND xã Tân Hải.

Ngày 18/7/2013, Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo đơn khởi kiện của anh Huỳnh Th Th đối với chị Lương Thị Th H.

Ngày 15/01/2014, Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của chị Lương Thị Th H.

Sau đó Tòa án tiếp tục thụ lý bổ sung đối với các yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, yêu cầu vợ chồng anh Th – chị H trả nợ vay.

Vào ngày 31/10/2014, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đưa vụ án ra xét xử, kết quả xét xử sơ thẩm như sau:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Huỳnh Th Th được trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Hoàng Long, sinh ngày 06.4.2007.

- Giao cho chị Lương Thị Th H được trực tiếp nuôi dưỡng con Huỳnh Minh Thắng, sinh ngày 16.6.2009.

Anh Th và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung:

- Chia cho anh Huỳnh Th Th được quyền sở hữu: số tiền 73.350.000 đồng là giá trị xăng dầu còn tồn; 01 xe ô tô hiệu Toyota biển số 72N – 4422, trị giá 20.000.000 đồng; 01 tivi hiệu Panasonic giá 2.000.000 đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo 140 lít giá 500.000 đồng; 01 máy giặt hiệu Panasonic giá 700.000 đồng; 01 tủ chén nhôm kính giá 800.000 đồng; 01 kết sắt giá 850.000 đồng và chia cho anh Th được tạm thời sở hữu 01 căn nhà xây cấp 4C có diện tích 67,62 m² tọa lạc tại thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, có kết cấu: tường xây gạch, mái tôn xi măng, nền lát gạch ceramic, trần đóng tôn lạnh, trị giá 104.878.620 đồng; tường rào xây gạch, trên có lưới B40 chiều dài 26,8m, trị giá 6.411.900 đồng. Tổng cộng giá trị tài sản là 209.490.520 đồng. Khấu trừ cho anh Th số tiền đã trả nợ cho anh Nguyễn V Th 100.000.000 đồng, chị Mai Thị Th H 50.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản còn lại là 59.490.520 đồng.

- Ông Huỳnh Th Th phải thanh toán ½ giá trị tài sản chênh lệch cho bà Lương Thị Th H số tiền 29.745.260đồng.

- Bà Lương Thị Th H được quyền sở hữu số tiền 29.745.260đồng do anh Th thanh toán tài sản chênh lệch.

- Bác yêu cầu của bà Lương Thị Th H về chia tài sản gồm: Căn nhà xây cấp 4, các loại cây trồng trên diện tích đất 14.807,3m² tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 803.059.892đồng; Số lượng xăng dầu trong bồn lưu tại kho trị giá khoảng 426.650.000đồng và vốn lưu động để kinh doanh xăng dầu khoảng 100.000.000đồng. Tổng cộng giá trị tài sản mà chị H tranh chấp bị bác là 1.329.709.892đồng.

4. Về khoản nợ:

Buộc ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H mỗi người phải trả cho bà Trần Th G và ông Phan VT số tiền 207.500.000đồng. Tổng số tiền nợ 415.000.000đồng.

Buộc anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H mỗi người phải trả cho bà Mai Thị Th H và ông Nguyễn V L1 số tiền 100.000.000đồng. Tổng số tiền nợ 200.000.000đồng.

Buộc anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H mỗi người phải trả cho bà Nguyễn Th T và ông Phan V L số tiền 116.000.000đồng. Tổng số tiền nợ 232.000.000đồng.

Buộc chị Lương Thị Th H phải trả cho: bà Nguyễn Th T và ông Phan V L số tiền 268.000.000đồng, ông Nguyễn V Th số tiền 560.000.000đồng, bà Lê Th Đ số tiền 50.000.000đồng và bà Huỳnh Thị K H số tiền 50.000.000đồng. Tổng cộng số nợ chị H phải trả 928.000.000đồng.

Bác yêu cầu của bà Trần Th G và ông Phan VT về yêu cầu giải quyết số tiền 185.000.000đồng.

Ngoài ra Tòa án còn tuyên về án phí, chi phí định giá, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo.

Sau khi xử sơ thẩm, do có kháng cáo về phần chia tài sản, chia nghĩa vụ trả nợ, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Kết quả Tòa án tỉnh Bình Thuận giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với phần giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung, hủy án sơ thẩm đối với phần chia tài sản chung và giải quyết nợ chung, giao hồ sơ về cho Tòa án thị xã để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết lại vụ án, các đương sự yêu cầu như sau:

Bà Lương Thị Th H yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 14.807,3 m², thuộc thửa đất số 95, 96, tờ bản đồ số 21; theo giấy CN quyền sử dụng đất số AH 397225, UBND thị xã La Gi cấp ngày 15.01.2007, do anh Th, chị H đứng tên đăng ký và nhà cửa cũng như cây trồng trên đất (thanh long, mủ trôm, dừa, xoài), tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, La Gi.

- 01 căn nhà xây cấp 4C, diện tích 67,62m², (nhà xây năm 2007) có kết cấu: tường xây gạch, nền lát gạch men ceramic, mái lợp tôn xi măng, trần đóng tôn lạnh tại khu tái định cư thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

- 01 xe ô tô BKS 53S-5624 và 01 xe ô tô BKS 72N-4422 cả 02 xe mua lại chưa sang tên; 03 xe mô tô loại Altila, Vison, Jupiter.

Bà Hg yêu cầu chia nợ chung như sau: nợ bà Nguyễn Th T – ông Phan V L số tiền 500.000.000đồng; nợ ông Nguyễn V Th số tiền 560.000.000đồng; nợ vợ chồng bà Mai Thị Th H – ông Nguyễn V L 250.000.000đồng; nợ vợ chồng bà Trần Th G – ông Phan VT 600.000.000đồng; nợ bà Lê Th Đ 50.000.000đồng; nợ bà Huỳnh Thị K H 50.000.000đồng. Đồng thời chị H yêu cầu Ông Th phải hoàn lại cho bà Hg ½ của số tiền 726.000.000đồng là 363.000.000đồng, đây là số tiền mà bà Hg cho rằng vợ chồng bà đã trả nợ cho DNTN Thanh Hải để nhận bàn giao cây xăng, Ông Th đứng tên chủ doanh nghiệp, tiếp tục làm ăn kinh doanh nên phải trả lại cho bà. Về khoản nợ 600.000.000đồng đối với Chi nhánh xăng dầu La Gi, bà Hg không đồng ý cùng trả với Ông Th vì khoản nợ này là từ việc nhập xăng dầu, trong đó có dầu tồn kho. Ông Th là chủ cây xăng, tiếp tục làm ăn nên Ông Th phải trả, bà không có nghĩa vụ đối với khoản nợ này.

Ông Huỳnh Th Th yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- Diện tích đất 14.807,3m², thuộc thửa đất số 95, 96, tờ bản đồ số 21; theo giấy CN quyền sử dụng đất số AH 397225, UBND thị xã La Gi cấp ngày 15.01.2007, do Ông Th, bà Hg đứng tên đăng ký. Về nhà cửa và toàn bộ cây trồng trên đất ông không chấp nhận chia vì cho rằng đó là tài sản của cha mẹ ông.

- 01 căn nhà xây cấp 4C, diện tích 67,62m² (nhà xây năm 2007) có kết cấu: tường xây gạch, nền lát gạch men ceramic, mái lợp tôn xi măng, trần đóng tôn lạnh tại khu tái định cư thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Ông Th yêu cầu chia nợ chung như sau: Nợ tiền xăng dầu Chi nhánh xăng dầu dầu khí La Gi số tiền 600.000.000đồng; nợ ông Võ Văn Ba số tiền 140.000.000đồng (hiện đã trả); nợ vợ chồng ông Đặng Văn Tạo số tiền 100.000.000đồng (hiện đã trả); nợ vợ chồng ông Phan V L và bà Nguyễn Th T số tiền 150.000.000đồng; nợ anh Nguyễn V Th số tiền 100.000.000đồng (hiện đã trả); nợ vợ chồng bà Mai Thị Th H 50.000.000đồng (hiện đã trả); nợ vợ chồng bà Trần Th G 320.000.000đồng. Anh Th yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng. Thời gian chị H bỏ nhà đi, anh Th đã trả xong 02 khoản nợ cho ông Võ Văn Ba, anh Nguyễn V Th, chị Hạnh và vợ chồng ông Tạo, với tổng số tiền là 390.000.000đồng. Ngoài ra Ông Th còn trả các khoản nợ huê chết cho các chủ huê và nợ lãi do ông bà vay với tổng số tiền 295.000.000đồng. Ông Th yêu cầu bà Hg phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh ½ số tiền nợ đã trả.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn V Th trình bày: Giữa ông và vợ chồng Ông Th, bà Hg có mối quan hệ mua bán xăng dầu từ trước đến nay. Vào ngày 20/2/2013, Ông Th có vay của anh số tiền 100.000.000đồng để mua xăng dầu bán (không có làm giấy tờ vay mượn). Đến buổi chiều cùng ngày, bà Hg tiếp tục vay tôi số tiền 400.000.000đồng với mục đích lấy sổ đỏ từ Ngân hàng làm thủ tục sang tên chuyển quyền sử dụng. Đến ngày 23/02/2013, bà Hg tiếp tục vay tôi số tiền 160.000.000đồng để nhập xăng dầu kinh doanh (cả 02 lần vay này, bà Hg tự viết giấy nhận nợ với tôi). Tổng số tiền Ông Th, bà Hg đã vay nợ của tôi là 660.000.000đồng. Ông Thắng có yêu cầu khởi kiện độc lập, buộc ông bà Thu – Hằng có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông, và không yêu cầu tính lãi suất. Hiện tại ông Thắng xác định Ông Th đã trả cho anh số tiền 100.000.000đồng. Ông Thắng yêu cầu Ông Th và bà Hg phải trả cho anh số tiền 560.000.000đồng.

+ Vợ chồng bà Nguyễn Th T, ông Phan V L trình bày: Ông bà có mối quan hệ mua bán xăng dầu với cha mẹ anh Th trước đây. Tháng 4/2009, cha mẹ anh Th sang nhượng quyền quản lý, kinh doanh cây xăng Thanh Hải cho anh chị Th – Hg, đồng thời gán số nợ 25.000.000đồng cho anh chị có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà.

Ngày 24/5/2010 (âm lịch), anh Th vay nợ ông bà số tiền 100.000.000đồng. Cuối năm 2010, anh Th vay thêm 50.000.000đồng, đồng thời có trả nợ cũ của cha mẹ anh, để nhập xăng dầu kinh doanh. Đến tháng 6/2013, chị H tiếp tục vay nợ ông bà nhiều lần với tổng số tiền 350.000.000đồng để mua xe khách và nhập xăng dầu kinh doanh. Tổng số nợ anh Th, chị H đã vay của ông bà là 500.000.000đồng. Bà T, ông L có yêu cầu khởi kiện độc lập, buộc anh chị có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông bà, không yêu cầu tính lãi suất.

+ Vợ chồng bà Mai Thị Th H và ông Nguyễn V L1 trình bày: Trước đây ông bà có quan hệ trong việc chuyển nhượng đất với ông Lê, bà Hải (cha mẹ ruột anh Th), vì sổ đỏ đã thế chấp vay Ngân hàng nên ông bà đã vay của vợ chồng tôi số tiền 300.000.000đồng để chuộc sổ về và làm thủ tục sang nhượng đất cho chúng tôi. Sau đó ông bà đã trả số tiền trên cho chúng tôi nhưng người mang tiền vào trả là bà Hg và bà Hg có hỏi vay của chúng tôi 50.000.000đồng. Đến tháng 11/2012, bà Hg vay tiếp của chúng tôi số tiền 100.000.000đồng; tháng 3/2013 vay 50.000.000đồng; tháng 4/2013 vay 50.000.000đồng để nhập xăng dầu kinh doanh. Tổng số tiền Ông Th, bà Hg đã vay của chúng tôi là 250.000.000đồng. Bà Hạnh, ông Lu có yêu cầu khởi kiện độc lập buộc Ông Th, bà Hg có nghĩa vụ trả số nợ trên cho chúng tôi. không yêu cầu tính lãi suất. Hiện tại bà Hạnh thừa nhận Ông Th đã trả cho bà số tiền 50.000.000đồng. Bà Hạnh yêu cầu Ông Th và bà Hg phải trả số nợ còn lại là 200.000.000đồng cho vợ chồng tôi.

+ Vợ chồng bà Trần Th G và ông Phan VT trình bày: Ông bà trước đây có quan hệ mua bán xăng dầu với ông L, bà H. Tháng 4/2009, cha mẹ Ông Th sang nhượng quyền quản lý, kinh doanh cây xăng Thanh Hải cho ông bà Th, đồng thời gán số nợ 185.000.000đồng cho ông bà Thu có nghĩa vụ trả nợ cho ông bà. Trong khoảng thời gian từ ngày 30/4/2009 đến ngày 01/01/2012, Ông Th bà Hg tiếp tục vay nợ ông bà nhiều lần với tổng số tiền 415.000.000đồng để nhập xăng dầu kinh doanh. Tổng số tiền ông bà Thu đã vay của ông bà là 600.000.000đồng. Bà Giỏi, ông Tâm có yêu cầu khởi kiện độc lập buộc Ông Th, bà Hg có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông bà, không yêu cầu tính lãi suất. Quá trình Tòa án thụ lý lại vụ án, bà Giỏi và ông Tâm thống nhất rút một phần yêu cầu đối với khoản tiền 185.000.000đồng, ông bà chỉ còn yêu cầu Ông Th, bà Hg trả số tiền 415.000.000đồng.

+ Bà Lê Th Đ trình bày: Thông qua người quen giới thiệu, ngày 19/06/2013 bà Hg có vay của bà số tiền 50.000.000đồng để nhập xăng dầu kinh doanh (không làm giấy tờ vay) nhưng thỏa thuận nửa tháng sau sẽ trả. Bà Diệp có yêu cầu khởi kiện độc lập buộc Ông Th và bà Hg phải trả cho số tiền nợ 50.000.000đồng cho bà, không yêu cầu tính lãi suất.

+ Bà Huỳnh Thị K H, trình bày: Thông qua người quen giới thiệu, ngày 05/7/2012 bà Hg có vay của chị số tiền 50.000.000đồng (bà Hg có viết giấy mượn tiền) để nhập xăng dầu kinh doanh. Bà Hiền có yêu cầu khởi kiện độc lập buộc bà Hg và Ông Th phải trả số nợ trên cho bà không yêu cầu tính lãi suất.

+ Vợ chồng ông Hoàng L và bà Nguyễn T H trình bày: Ông bà là cha mẹ ruột của Ông Th. Về tài sản mà bà Hg tranh chấp gồm: Cây xăng Thanh Hải có nguồn gốc do ông bà tạo lập kinh doanh từ năm 2001. Đến năm 2012, do tuổi già nên ông bà sang nhượng toàn bộ quyền quản lý kinh doanh cho Ông Th đứng tên dùng để quản lý kinh doanh. Còn căn nhà và diện tích đất tại số 75 Lê Thánh Tôn, thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La Gi là của cha mẹ bà Hải để lại cho bà, do bà Hải đứng tên đăng ký. Đây là tài sản chung của ông bà, ông bà không hề sang nhượng nhà, đất và cây xăng cho vợ chồng anh Th, nên không đồng ý phân chia tài sản với bà Hg. Đối với diện tích đất rẫy 14.807,3m² là tài sản của vợ chồng Ông Th, bà Hg. Sau đó, cho ông bà ở nhờ trên diện tích đất này. Năm 2009, ông bà trồng 200 trụ thanh long và xây căn nhà cấp 4, diện tích 5m x 15m. Đến năm 2010, ông bà trồng thêm 100 trụ thanh long và các cây dừa, mít, xoài. Năm 2012, 2013 ông bà trồng thêm 600 trụ thanh long. Hiện trên đất có 900 trụ thanh long, trạm biến thế là do ông bà bắt điện từ hộ ông Tống Văn Huỳnh để phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Đối với yêu cầu tranh chấp tài sản của bà Hg về căn nhà và một số cây trồng trên diện tích đất này, ông bà không đồng ý. Riêng căn nhà xây cấp 4 trên diện tích đất 990,5m² tại khu tái định cư thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi là tài sản chung của ôngTh, bà Hg. Còn diện tích đất là tài sản của ông bà. Khi phân chia tài sản chung cho ôngTh, bà Hg, ông bà đề nghị những tài sản nào thuộc quyền sở hữu của vợ chồng anh Th, thì Tòa giải quyết theo quy định pháp pháp luật. Đối với các khoản nợ của vợ chồng Thu Hằng phát sinh trong quá trình kinh doanh thì vợ chồng tự chịu trách nhiệm trả, ông bà không có ý kiến. Vì trước đây, khi làm thủ tục sang nhượng quyền quản lý cây xăng Thanh Hải cho Ông Th đứng tên, ông bà đã giải quyết xong các khoản nợ mua bán của ông bà trước đó.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 15/9/2016, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 103/2016/DS-ST, quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 25, 27, 95, 97, 98 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Khoản 12 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án;

- Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13.6.2012 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của bà Lương Thị Th H gồm: Yêu cầu chia nhà đất có cây xăng tại thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La Gi mà hiện ông Huỳnh Th Th đang sử dụng kinh doanh xăng dầu; yêu cầu chia lượng xăng dầu tồn kho trị giá 500.000.000đồng và vốn lưu động 100.000.000đồng; yêu cầu chia tài sản là nhà và cây trồng trên diện tích đất 14.807,3m² tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã La Gi.

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của vợ chồng bà Trần Th G và ông Phan VT về khoản tiền 185.000.000đồng yêu cầu vợ chồng Thu –Hằng trả nợ.

2/ Về tài sản chung:

- Chia cho ông Huỳnh Th Th được quyền sở hữu: 01 xe ô tô hiệu Toyota biển số 72N – 4422, trị giá 20.000.000đồng; 01 tivi hiệu Panasonic giá 2.000.000đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo 140 lít giá 500.000đồng; 01 máy giặt hiệu Panasonic giá 700.000đồng; 01 tủ chén nhôm kính giá 800.000đồng; 01 kết sắt giá 850.000đồng; 01 căn nhà xây cấp 4C có diện tích 67,62m² tọa lạc tại thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, có kết cấu: tường xây gạch, mái tôn xi măng, nền lát gạch ceramic, trần đóng tôn lạnh, trị giá 104.878.620đồng; tường rào xây gạch, trên có lưới B40 chiều dài 26,8m, trị giá 6.411.900đồng; Giao cho Ông Th được quyền sử dụng diện tích đất 14.807,3m² tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã La Gi theo GCNQSDĐ số AH 397225 ngày 15/01/2007 do UBND thị xã La Gi cấp mang tên ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H, trị giá đất là 370.152.500đồng. Tổng cộng giá trị tài sản Ông Th được sở hữu là 506.293.020đồng. Ông Th không phải thanh toán lại cho bà Hg vì xác định tài sản chung không còn, do Ông Th đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ vượt quá phần tài sản chung như đã phân tích trong phần nhận định.

3/ Về khoản nợ, chia nghĩa vụ trả nợ:

Buộc ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H phải trả nợ cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như sau:

- Trả cho ông Nguyễn V Th số tiền 560.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 280.000.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Mai Thị Th H – ông Nguyễn V L1 số tiền 200.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 100.000.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Trần Th G – ông Phan VT số tiền 415.000.000 đồng, chia phần mỗi người phải trả là 207.500.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Nguyễn Th T – ông Phan V L số tiền 500.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 250.000.000đồng.

- Trả cho bà Huỳnh Thị K H số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

- Trả cho bà Lê Th Đ số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

Tổng cộng số nợ ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H phải trả là 1.775.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 887.500.000đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án. Bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản, do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí:

Ông Huỳnh Th Th phải chịu 38.625.000đồng án phí DSST đối với các khoản nợ phải trả. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông Th đã nộp 200.000đồng, theo biên lai số 0003085 ngày 18/07/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi. Ông Th còn phải nộp 38.425.000đồng án phí.

Bà Lương Thị Th H phải nộp 38.625.000đồng án phí DSST đối với các khoản nợ phải trả. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Hg đã nộp 13.500.000đồng, theo biên lai số 0003338 ngày 06/01/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Hg còn phải nộp 25.125.000đồng án phí DSST.

Hoàn trả cho bà Trần Th G số tiền 14.272.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003115 ngày 26/8/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Th T số tiền 12.200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003113 ngày 26/8/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Mai Thị Th H số tiền 6.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003114 ngày 26/8/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho anh Nguyễn V Th số tiền 15.200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003124 ngày 16/9/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Lê Th Đ số tiền 1.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003125 ngày 19/9/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị K H số tiền 1.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003653 ngày 25/8/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 22/9/2016 và ngày 12/10/2016 ông Huỳnh Th Th có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 103/2016/DS-ST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện đối với việc xác định nghĩa vụ trả nợ chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng một mình bà Lương Thị Th H trả toàn bộ khoản nợ là 1.775.000.000đồng cho những người liên quan.

Ý kiến của luật sư: Theo các tài liệu đã được Tòa án thu thập có trong hồ sơ như biên bản ghi lời khai của những người liên quan, biên bản làm việc với Chi nhánh xăng dầu La Gi, thể hiện toàn bộ khoản nợ của những người có quyền lợi nghĩa vụ có yêu cầu độc lập là do một mình bà Hg tạo lập, không có chứng cứ nào chứng minh bà Hg vay mượn số tiền này để phục vụ cho gia đình, mặc khác Ông Th cũng không biết các khoản nợ này, do đó Ông Th không có trách nhiệm phải liên đới cùng bà Hg trả các khoản nợ này, bên cạnh đó bà Hg đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà Hg cố tình trốn tránh và không thể đối chất làm rõ các khoản nợ này. Do vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ông Th, theo đó buộc một mình bà Hg trả khoản nợ 1.775.000.000đồng; mặc khác hiện tại bà Hg đã bỏ đi khỏi địa phương, những người liên quan cũng không cung cấp được địa chỉ của bà Hg, do vậy căn cứ vào các quy định mới của Bộ luật tố tụng dân sự, tôi đề nghị Hội đồng xét xử nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những yêu cầu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông Huỳnh Th Th.

Ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tại phiên tòa:

- Ông Nguyễn V Th yêu cầu bà Hg và Ông Th liên đới trả cho ông số tiền 560.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 280.000.000đồng.

- Vợ chồng bà Nguyễn Th T – ông Phan V L yêu cầu Ông Th và bà Hg liên đới trả cho ông bà số tiền 500.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 250.000.000đồng.

- Bà Huỳnh Thị K H yêu cầu Ông Th và bà Hg liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

Ý kiến của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập vắng mặt tại phiên tòa có trong hồ sơ vụ án:

- Vợ chồng bà Mai Thị Th H – ông Nguyễn V L1 yêu cầu Ông Th và bà Hg liên đới trả cho ông bà số tiền 200.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 100.000.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Trần Th G – ông Phan VT yêu cầu Ông Th và bà Hg liên đới trả cho ông bà số tiền 415.000.000 đồng, chia phần mỗi người phải trả là 207.500.000đ.

- Trả cho bà Lê Th Đ yêu cầu Ông Th và bà Hg liên đới trả cho bà số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Th Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 103/2016/DS-ST ngày 15/9/2016 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Th Th là hợp pháp, thời điểm nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên việc kháng cáo của Ông Th là hợp lệ.

[2] Đây là vụ án tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn và phân chia nghĩa vụ trả nợ chung trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H có cùng địa chỉ: Xã Tân Hải, Tx. La Gi, tỉnh Bình Thuận, cho nên Tòa án nhân dân Tx. La Gi thụ lý giải quyết vụ án trên và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, ông Huỳnh Th Th không đồng ý yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc phân chia nghĩa vụ trả nợ chung của ông và bà Lương Thị Th H.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H tồn tại từ 2006 đến năm 2014 thì ly hôn; trong thời kỳ hôn nhân giữa Ông Th và bà Hg có 02 con chung, tạo lập một số tài sản chung đã được ông bà thừa nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm; riêng các khoản nợ thì Ông Th thừa nhận mà cho rằng đây là nợ riêng của bà Hg; tuy nhiên theo lời trình bày của những người có quyền lợi và nghĩa vụ có yêu cầu độc lập trong vụ án thì do những người này biết bà Hg là vợ của Ông Th, gia đình Ông Th sống và làm ăn ở địa phương trong thời gian dài, cho nên họ tin tưởng cho bà Hg vay tiền để phát triển kinh tế gia đình; thực tế Ông Th và bà Hg đang kinh doanh xăng dầu, bà Hg cho rằng bà vay tiền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là để kinh doanh xăng dầu và phục vụ sinh hoạt trong gia đình là hoàn toàn có cơ sở; mặc khác, những khoản nợ này đều phát sinh trong thời

kỳ hôn nhân giữa Ông Th và bà Hg, đây là những khoản nợ với số tiền tương đối lớn, cho nên Ông Th là một người chồng, ông phải quan tâm đến đời sống, sinh hoạt của bà Thu theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là nghĩa vụ của vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về “**trách nhiệm liên đới của vợ, chồng**”. Tại khoản 1 có quy định: “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 là vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Như vậy, tại thời điểm bà Hg giao dịch vay tiền đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì Ông Th không chứng minh được những khoản nợ nêu trên của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mà bà Hg đã mượn sử dụng vào mục đích cá nhân nào khác, nên nghĩa vụ riêng đó của bà Hg thì đó đương nhiên là nghĩa vụ chung của vợ chồng; do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Ông Th có trách nhiệm trả nợ cùng với bà Hg là phù hợp với quy định.

Xét thấy kháng cáo của Ông Th không có sở sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác như chia tài sản chung, nghĩa vụ chịu chi phí định giá, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhưng không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Do kháng cáo của Ông Th không được chấp nhận nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Th Th;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng:

Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 219, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Các Điều 25, 27, 37, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 12 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP, ngày 23/12/2000 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí lệ phí Tòa án; Điểm b, điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 của Hội Đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản của chị Lương Thị Th H gồm: Yêu cầu chia nhà đất có cây xăng tại thôn Hiệp Hòa, xã Tân Hải, thị xã La

Gi mà hiện anh Huỳnh Th Th đang sử dụng kinh doanh xăng dầu; yêu cầu chia lượng xăng dầu tồn kho trị giá 500.000.000đồng và vốn lưu động 100.000.000đồng; yêu cầu chia tài sản là nhà và cây trồng trên diện tích đất 14.807,3m² tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã La Gi.

Đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu của vợ chồng bà Trần Th G và ông Phan VT về khoản tiền 185.000.000đồng yêu cầu vợ chồng anh Th – chị H trả nợ.

2/ Về tài sản chung:

- Chia cho anh Huỳnh Th Th được quyền sở hữu: 01 xe ô tô hiệu Toyota biển số 72N – 4422, trị giá 20.000.000đồng; 01 tivi hiệu Panasonic giá 2.000.000đồng; 01 tủ lạnh hiệu Sanyo 140 lít giá 500.000đồng; 01 máy giặt hiệu Panasonic giá 700.000đồng; 01 tủ chén nhôm kính giá 800.000đồng; 01 kết sắt giá 850.000đồng; 01 căn nhà xây cấp 4C có diện tích 67,62m² tọa lạc tại thôn Ba Đăng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, có kết cấu: tường xây gạch, mái tôn xi măng, nền lát gạch ceramic, trần đóng tôn lạnh, trị giá 104.878.620đồng; tường rào xây gạch, trên có lưới B40 chiều dài 26,8m, trị giá 6.411.900đồng; Giao cho anh Th được quyền sử dụng diện tích đất 14.807,3m² tại thôn Hiệp Thuận, xã Tân Hải, thị xã La Gi theo GCNQSDĐ số AH 397225 ngày 15/01/2007 do UBND thị xã La Gi cấp mang tên anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H, trị giá đất là 370.152.500đồng. Tổng cộng giá trị tài sản anh Th được sở hữu là **506.293.020đồng**. Anh Th không phải thanh toán lại cho chị H vì xác định tài sản chung không còn, do anh Th đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ vượt quá phần tài sản chung như đã phân tích trong phần nhận định.

3/ Về khoản nợ, chia nghĩa vụ trả nợ:

Buộc anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H phải trả nợ cho các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập như sau:

- Trả cho anh Nguyễn V Th số tiền 560.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 280.000.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Mai Thị Th H – ông Nguyễn V L1 số tiền 200.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 100.000.000đồng.

- Trả cho vợ chồng bà Trần Th G – ông Phan VT số tiền 415.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 207.500.000đ.

- Trả cho vợ chồng bà Nguyễn Th T – ông Phan V L số tiền 500.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 250.000.000đồng.

- Trả cho bà Huỳnh Thị K H số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

- Trả cho bà Lê Th Đ số tiền 50.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 25.000.000đồng.

Tổng cộng số nợ anh Huỳnh Th Th và chị Lương Thị Th H phải trả là 1.775.000.000đồng, chia phần mỗi người phải trả là 887.500.000đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án. Bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản, do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4/ Về án phí:

Ông Huỳnh Th Th phải chịu 38.625.000đồng án phí DSST đối với các khoản nợ phải trả và 200.000đồng án phí DSPT. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ông Th đã nộp 200.000 đồng, theo biên lai số 0003085 ngày 18/7/2013 và số tiền 200.000đồng theo biên lai số 0004916 ngày 05/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi. Anh Th còn phải nộp 38.425.000đồng án phí.

Bà Lương Thị Th H phải nộp 38.625.000đồng án phí DSST đối với các khoản nợ phải trả. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 13.500.000đồng, theo biên lai số 0003338 ngày 06/01/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Hg còn phải nộp 25.125.000đồng án phí.

Hoàn trả cho bà Trần Th G số tiền 14.272.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003115 ngày 26/8/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Th T số tiền 12.200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003113 ngày 26/8/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Mai Thị Th H số tiền 6.500.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003114 ngày 26.8.2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho ông Nguyễn V Th số tiền 15.200.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003124 ngày 16/9/2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Lê Th Đ số tiền 1.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003125 ngày 19.9.2013, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị K H số tiền 1.250.000đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0003653 ngày 25/8/2014, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi.

5/ Về chi phí định giá:

Ông Huỳnh Th Th và bà Lương Thị Th H mỗi người phải chịu 1.000.000đồng chi phí định giá tài sản, nhưng ông bà đã thanh toán đủ số tiền 2.000.000đồng cho Hội đồng định giá tài sản vào ngày 12/6/2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (18/9/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Cường

Hồ Thị Hồng

Trần Thị Thiên Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX. La Gi;
- Chi cục THA TX. La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu HSV.A./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ THIÊN HƯƠNG